

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 04/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2018 giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Triệu Thị T, sinh ngày 04/6/1989.

Nơi cư trú: Xóm P, Thị trấn T, huyện T, tỉnh C.

- *Bị đơn*: Anh Triệu Văn S, sinh ngày 03/6/1989.

Nơi cư trú: Xóm P, Thị trấn T, huyện T, tỉnh C.

Căn cứ vào các Điều 149, 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 4 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 4 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07(Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Triệu Thị T và anh Triệu Văn S.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Triệu Thị T và anh Triệu Văn S.

2.2. *Về con chung*: Chị Triệu Thị T và anh Triệu Văn S cùng xác nhận và cam đoan là có 02 (Hai) người con chung tên Triệu Trần P, giới tính Nam (sinh ngày 31 tháng 01 năm 2014), Triệu Hoài T, giới tính Nữ (sinh ngày 09 tháng 11 năm 2015).

Về việc nuôi con: Chị Triệu Thị T và anh Triệu Văn S đã tự nguyện thoả thuận và đồng ý giao hai người con chung tên Triệu Trần P, Triệu Hoài T cho chị Triệu Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Triệu Thị T và anh Triệu Văn S đã tự nguyện thỏa thuận và đồng ý về việc chị Triệu Thị T không yêu cầu anh Triệu Văn S cấp dưỡng nuôi hai con vì chị Triệu Thị T có đủ điều kiện và khả năng nuôi con.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Triệu Văn S do chị Triệu Thị T không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức theo quy định của pháp luật. Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

2.3. *Về việc chia tài sản:* Tài sản chung, tài sản riêng và nợ chung, vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. 4. *Về án phí:* Áp dụng khoản 3, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Chị T và anh S mỗi người phải chịu 75.000đ, tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Chị T tự nguyện nộp thay án phí cho anh S, các đương sự đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm. (*Chị T được hoàn lại 150.000đ, tiền án phí dân sự sơ thẩm*).

Xác nhận chị T đã nộp tiền tạm ứng phí **300.000đ (Ba trăm nghìn đồng)**, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2014/0000511 ngày 05 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thông Nông, tỉnh Cao Bằng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện T;
- Các đ-ơng sự;
- UBND Thị trấn T;
- Chi cục THADS huyện T;
- L- u hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Bá Thanh